

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (**GRDP giá SS**) năm 2018 ước tính tăng 8,09%¹ so cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực tăng trưởng mạnh nhất là khu vực công nghiệp-xây dựng, tăng 15,59% đóng góp 5,49 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung, kế đến là khu vực dịch vụ tăng 6,28% đóng góp 2,08 điểm phần trăm, khu vực nông-lâm-thủy sản tăng 0,66% đóng góp 0,18 điểm phần trăm. Ngoài ra, các khoản thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm trên địa bàn ước cũng tăng 6,69% so cùng kỳ, đóng góp 0,35 điểm phần trăm vào tăng trưởng chung.

Xét về quy mô và cơ cấu kinh tế của tỉnh: Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (**GRDP giá HH**) ước tính đạt 72.167 tỷ đồng, trong đó khu vực nông-lâm-thủy sản chiếm tỷ trọng 21,89%; khu vực công nghiệp-xây dựng 39,80%; khu vực dịch vụ 33,17%; còn các khoản thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,13% (*Cơ cấu tương ứng của năm 2017 là: 24,20%; 37,22%; 33,37%; 5,20%*).

**Ước Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)
năm 2018**

	Tổng sản phẩm theo giá hiện hành		Tổng sản phẩm theo giá SS 2010	
	Giá trị (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Tốc độ Tăng (%)	Đóng góp của từng khu vực (điểm %)
Tổng số	72.167	100,00	8,09	8,09
1.Nông, lâm nghiệp và thủy sản	15.800	21,89	0,66	0,18
2.Công nghiệp và xây dựng	28.723	31,85	14,29	4,83
3.Dịch vụ	23.938	33,37	6,06	2,02
4.Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	2.588	5,20	3,75	0,16

Kết quả hoạt động một số lĩnh vực chủ yếu như sau:

1. Sản xuất Nông, lâm nghiệp, thủy sản:

1.1 Nông nghiệp:

a) Trồng trọt tháng 12:

Đến ngày 15 tháng 12 năm 2018, toàn tỉnh gieo trồng vụ Đông Xuân được 16.111,1 ha, tăng 8,94% (+1.321,7 ha) so với cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, diễn tiến thời tiết trong tháng tương đối thuận lợi nên tiến độ xuống giống hầu hết các cây

¹ Trong đó: GRDP 6 tháng đầu năm tăng 7,82%; 6 tháng cuối năm tăng 8,32% (trong đó khu vực Nông lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,7%; khu vực CN-XD tăng 15,14%; khu vực Dịch vụ tăng 6,38%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 5,71%).

trồng đều nhanh hơn cùng kỳ, riêng cây mía còn chậm do giá mía giảm mạnh so cùng kỳ. Cụ thể một số cây trồng chính như sau:

- Cây lúa:

Diện tích đạt 5.661,4 ha, tăng 4,15% (+225ha) so cùng kỳ; tiến độ gieo trồng ở hầu hết các huyện, thành phố đều nhanh hơn cùng kỳ, riêng có 2 huyện thấp hơn là Tân Biên (-139 ha) và Gò đàu (-3 ha), nguyên nhân do thời tiết trong tháng có những cơn mưa lớn, nên có một số diện tích bị ngập nước, chưa xuống giống được.

Về tình hình thu hoạch cây lúa vụ Mùa, đến nay đã cơ bản xong với 50.593,6 ha bằng 97,56% diện tích gieo trồng. Đánh giá sơ bộ năng suất lúa bình quân ước đạt 50,51 tạ/ha, tăng 0,38% so cùng kỳ và sản lượng đạt 261.928,13 tấn.

- Cây trồng khác:

Diện tích rau các loại xuống giống được 2.756,7 ha, tăng 10,55% so với cùng kỳ, nguyên nhân do thời tiết thuận lợi nên tiến độ gieo trồng tăng, bên cạnh đó diện tích thu hoạch vụ mùa cây rau đạt 6.851,1 ha, tăng 6,14% (+396,4ha) so cùng kỳ, đạt 98,96% tổng diện tích gieo trồng vụ mùa năm 2018, sơ bộ năng suất rau các loại đạt 180,65 tạ/ha, sản lượng thu hoạch đến thời điểm này đạt 114.086,04 tấn, cũng tăng 6,67% (+7.136 tấn) so cùng kỳ năm trước.

Diện tích cây mì (cây sắn) trồng mới được 5.913 ha, tăng 23,98% (+1.143 ha) so cùng kỳ, do thời gian gần đây giá củ mì tăng mạnh, tuy dịch bệnh khảm vẫn chưa được ngăn chặn, nhưng trồng mì vẫn đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn cây trồng khác, người dân tiếp tục xuống giống trên diện tích mì đã thu hoạch xong và diện tích cây cao su thanh lý và trên diện tích mía đã thu hoạch, mặc dù ngành chức năng khuyến cáo không nên trồng trên diện tích đã nhiễm bệnh cũng như sử dụng lại giống đã nhiễm bệnh.

Diện tích mía trồng mới đến nay thực hiện được 128,7 ha, so với cùng kỳ giảm 62,48% (-214,3 ha), do giá cả giảm mạnh nên nhiều diện tích thu hoạch xong người dân phá đi không trồng lại, diện tích trồng mới hiện nay chủ yếu là trồng trên diện tích đất của nhà máy quản lý.

b) Trồng trọt cả năm:

+ Cây hàng năm

Tình hình sản xuất nông nghiệp trong năm 2018 có những khó khăn nhất định như, diễn biến thời tiết thất thường, dịch bệnh khảm lá trên cây mì, giá cả một số mặt hàng nông sản thường xuyên biến động, chủ yếu là giảm, không có lợi cho người sản xuất nhất là cây mía, mặt khác việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo chuỗi giá trị, tỉnh đã định hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng khuyến khích người dân trồng cây ăn trái theo tiêu chuẩn ViệtGAP, GlobalGAP do đó một số diện tích trồng cây hàng năm đang được chuyển sang trồng các loại cây lâu năm, dẫn đến diện tích

gieo trồng cây nông nghiệp hàng năm giảm nhẹ, tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm sơ bộ thực hiện 259.750,83 ha, so cùng kỳ năm 2017 giảm 2,23% (-5.930,26 ha). Cụ thể diện tích, năng suất, sản lượng một số cây trồng chính trong năm như sau:

- *Cây lúa*: Diện tích lúa năm 2018, sơ bộ đạt 149.464,98 ha tăng 1,12% so cùng kỳ. Những năm gần đây diện tích lúa liên tục tăng nguyên nhân một phần do chuyển đổi cây trồng, một số diện tích mì chuyển sang lúa, hiệu quả hơn. Cùng với những chính sách khuyến khích của tỉnh để thực hiện chủ trương duy trì và sử dụng linh hoạt diện tích đất trồng lúa hiện có, bảo đảm an ninh lương thực và nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tập trung cải tạo giống lúa để nâng cao năng suất, chất lượng gạo. Hiệu quả kinh tế từ cây lúa đang dần tăng lên, năng suất lúa thu hoạch trong năm sơ bộ đạt 54,08 tạ/ha, so với cùng kỳ tăng 1,32% (+0,70 tạ/ha); sản lượng lúa thu hoạch sơ bộ thực hiện cả năm 2018 được 808.276 tấn, so với năm 2017 tăng 2,45%. Sản lượng lúa thu hoạch trong năm tăng là do cả yếu tố diện tích và năng suất đều tăng. Trong đó, năng suất lúa tăng nhờ sử dụng các giống lúa mới chất lượng tốt và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào canh tác.

- *Cây ngô*: Diện tích gieo trồng sơ bộ thực hiện cả năm được 5.760,99 ha, so với năm trước tăng 17,61% (+862,73 ha). Diện tích gieo trồng tăng tập trung ở huyện Trảng Bàng, Gò Dầu, Bến Cầu ... nguyên nhân do công ty Bắp Thái Lan, công ty TNHH TM SX Đồng Vàng và công ty Bắp giống cây trồng TW tăng diện tích hợp đồng trồng ngô với nông dân.

- *Cây rau, đậu, hoa, cây cảnh*: Diện tích gieo trồng nhóm cây này năm 2018 sơ bộ đạt 25.940,86 ha, tăng 1,32% (+338,18 ha) so với cùng kỳ. Nhóm cây này phát triển tốt, do tỉnh đang thực hiện Quy hoạch sản xuất, phát triển và tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn Tỉnh đến năm 2020 và đang khuyến khích sản xuất rau an toàn tập trung theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa tỉnh thành địa bàn sản xuất rau an toàn hàng hóa tập trung, có sức cạnh tranh cao và bền vững; đưa ngành sản xuất rau trở thành ngành sản xuất quan trọng trong cơ cấu sản xuất của ngành nông nghiệp nói chung và ngành trồng trọt nói riêng, đảm bảo cho người nông dân có thể làm giàu ổn định bằng nghề sản xuất rau an toàn tập trung.

Năng suất bình quân rau các loại ước đạt 179,53 tạ/ha, tăng 1,07% (+1,89 tạ/ha) so cùng kỳ. Do tác động của yếu tố giá phù hợp đã làm tăng nhiều diện tích rau các loại cho năng suất cao phát triển tốt. Sản lượng ước đạt 373.455,78 tấn tăng 6,17% (+21.696,40 tấn) so cùng kỳ, do diện tích và năng suất đều tăng.

- *Cây mì*: Cây mì diện tích thực hiện 49.242,19 ha, so với năm trước giảm 11,97% (-6.698,11 ha). Với đặc thù là cây dễ trồng, ít kén đất, đầu tư thấp phù hợp với kinh tế nông hộ nên cây mì phát triển nhanh tập trung chủ yếu ở các huyện Tân Châu, Tân Biên, Châu Thành và Dương Minh Châu. Diện tích gieo trồng cây mì giảm mạnh so với cùng kỳ do cuối năm trước giá củ mì thấp, đồng thời bị ảnh hưởng dịch bệnh khảm lá và một số bệnh khác làm cho cây mì chết, chửi bột giảm và sản

lượng thấp. Theo khuyến cáo của Sở Nông nghiệp & phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh người dân nên chuyển đổi sang trồng rau màu, đậu, mía... để cải tạo đất đối với diện tích nhiễm bệnh. Một số diện tích được người dân cày ải, bỏ trống để khử trùng đất. Một số diện tích mì trước đây trồng xen trên đất rừng phòng hộ nay cây rừng đã phát tán, không trồng xen được. Cũng có một số diện tích trồng xen trong các nông trường cao su nay cây đã lớn không trồng xen được nữa.

Bệnh khảm làm ảnh hưởng đáng kể đến chữ bột, năng suất cây mì, năng suất chung cả tỉnh trong vụ sơ bộ đạt 315,85 tạ/ha, giảm 2,91% (-9,47 tạ/ha) so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng thu hoạch mì sơ bộ thực hiện trong năm được 1.555.297 tấn, so với cùng kỳ giảm 14,54% (-264.516,46 tấn).

- *Cây mía*: Diện tích mía trồng trong năm đạt 14.668,70 ha, so với cùng kỳ giảm 5,97% (-932,05 ha). Niên vụ 2017-2018 giá mía giảm mạnh nhưng chi phí thu hoạch và vận chuyển đều tăng, nên nhiều rủi ro, tình hình thu hoạch của các nhà máy chậm dẫn đến tình trạng mía chặt bỏ bãi nhiều ngày bị khô, tình trạng mía cháy diễn biến phức tạp cũng làm giảm năng suất, mặt khác, hiện nay việc đo chữ đường của các nhà máy cũng còn nhiều bất cập chưa được người dân đồng tình dẫn đến tình trạng nông dân phá bỏ diện tích mía chuyển sang trồng loại cây khác có hiệu quả kinh tế cao hơn ngày càng nhiều và cũng có những hộ chưa phá bỏ nhưng không chăm sóc đang chuẩn bị chuyển đổi cây trồng. Năng suất mía sơ bộ thực hiện đạt 771,72 tạ/ha, giảm so với năm trước 0,27% (-2,06 tạ/ha). Do diện tích và năng suất đều giảm nên sản lượng sơ bộ thực hiện cả năm được 1.132.009 tấn, so cùng kỳ năm trước giảm 6,22% (-75.143,75 tấn).

+ *Cây lâu năm*:

Năm 2018, tình hình gieo trồng cây lâu năm trên địa bàn tỉnh có những chuyển biến tích cực. Một số cây trồng mới có hiệu quả kinh tế, nhất là cây ăn quả diện tích tăng nhanh đã làm cơ cấu cây trồng thay đổi, do giá tăng nên một số cây có giá trị kinh tế cao tiếp tục phát triển, tổng diện tích cây lâu năm sơ bộ thực hiện 124.642 ha, so với chính thức năm 2017 tăng 2,33% (+2.837 ha) cụ thể một số cây trồng có diện tích chiếm tỷ trọng lớn như sau:

Cây Cao su: Diện tích hiện có 100.638 ha, tăng 0,20% (+201 ha) so cùng kỳ năm trước. Ngay từ đầu năm giá cao su có tăng lên nhưng vẫn còn ở mức thấp; tuy nhiên, từ giữa năm đến nay giá mủ liên tục giảm đã ảnh hưởng đến tình hình thu nhập và hiệu quả sản xuất. hiện nay diện tích cao su hiện có đã vượt mức quy hoạch chung của tỉnh nên diện tích có thể không tăng thêm mà sẽ giảm trong thời gian tới, tuy nhiên diện tích cây cao su vẫn tiếp tục phát triển ổn định trong các doanh nghiệp Nhà nước, các thành phần còn lại chỉ sản xuất cầm chừng chờ giá cả phù hợp sẽ đầu tư, tăng năng suất cây trồng. Năng suất cả năm ước đạt 21,15 tạ/ha, giảm 0,52% (-0,11 tạ/ha) so với cùng kỳ, sản lượng thực hiện cả năm được 191.881 tấn, giảm

0,53% (-1.016 tấn) so với cùng kỳ. Sản lượng thu hoạch cả năm giảm do diện tích cho sản phẩm và năng suất thu hoạch đều giảm, so cùng kỳ năm 2017.

Cây Điều: Diện tích hiện có 1.079 ha, tăng 5,78% (+59 ha) so với cùng kỳ 2017. Diện tích cây điều tăng do trong thời gian gần đây tình hình thu mua và nhu cầu chế biến cao nên cây điều có hướng tăng trở lại, tuy nhiên khả năng cạnh tranh với các loại cây khác thấp.

Cây ăn quả: Tổng diện tích gieo trồng thực hiện 20.437 ha, chiếm 16,40% trong tổng diện tích cây lâu năm, tăng 14,47% so với cùng kỳ năm 2017 (+2.584 ha). Trong đó cây măng cầu, nhãn, chôm chôm và cây xoài vẫn là những cây có diện tích chiếm tỷ trọng chủ yếu trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

+ **Cây măng cầu:** sơ bộ thực hiện được 5.073 ha, tăng 7,05% (-28 ha) so với năm trước. Hiện nay, cây măng cầu ở Tây Ninh đã có chỉ dẫn địa lý và được hướng dẫn thực hiện canh tác theo mô hình VietGAP nên có ưu thế để duy trì và phát triển cả về diện tích và sản lượng. Năng suất thực hiện đạt 142,78 tạ/ha, tăng 0,05% ; sản lượng thực hiện 65.522 tấn, tăng 5,76% so với cùng kỳ năm 2017.

+ **Cây nhãn và chôm chôm:** Diện tích hiện có 4.888 ha, chiếm 23,99% diện tích cây ăn quả, tăng 11,19% (+492 ha) so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó riêng Cây nhãn có diện tích 3.838 ha, tăng 13,82% (+466ha), là một trong những cây cho hiệu quả khá. Hiện nay người dân đã biết sử dụng các loại giống mới có năng suất và chất lượng tốt, có thể tạo ra quả trái vụ và cho năng suất cao, năng suất cây nhãn sơ bộ thực hiện 99,23 tạ/ha, tăng 4,28%, sản lượng thực hiện được 31.079 tấn, tăng 8,32% so với cùng kỳ năm trước.

+ **Cây xoài:** Diện tích hiện có 2.476 ha, tăng 4,69% (+111 ha) so với năm 2017. Diện tích xoài những năm gần đây có xu hướng tăng do trong năm trên địa bàn tỉnh đang thi công xây dựng nhà máy chế biến rau quả và có các chính sách kêu gọi đầu tư, bao tiêu sản phẩm nên diện tích đang ngày được mở rộng, diện tích hiện có phần lớn được trồng bởi các loại giống mới cho năng suất cao, áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất, nên năng suất thu hoạch sơ bộ cả năm đạt 82,16 tạ/ha, tăng 2,39% (+1,92 tạ/ha), với sản lượng thu hoạch sơ bộ 18.913 tấn, tăng 5,41% (+971 tấn) so với năm trước.

c) Chăn nuôi:

Kết quả điều tra chăn nuôi thời điểm 1/10/2018 toàn tỉnh có 6.266.097 con gia súc, gia cầm các loại tăng 1,17% (+72.704 con) so với cùng kỳ năm trước, trong đó từng loại vật nuôi cụ thể như sau:

Chăn nuôi gia súc có xu hướng giảm mạnh ở đàn trâu hiện có 13.558 con giảm 5,32% (-762 con), do bị thu hẹp diện tích chăn thả; đàn bò hiện có 94.264 con, cũng giảm 1,2% (-1.149 con), riêng bò nuôi lấy sữa hiện có 11.646 con, tăng 11,64%

(+1.214 con) so cùng kỳ, do một số hộ nuôi tăng đàn và trang trại Vinamilk vẫn tăng và duy trì đàn bò sữa do hiệu quả khá.

Đàn lợn hiện có 177.194 con, tăng 3,12%, trong đó đàn lợn nái có 18.250 con, tăng 9,69% so cùng kỳ; đàn lợn thịt có 158.766 con, tăng 2,43% so cùng kỳ. Do tình hình giá lợn hơi giảm mạnh trong những tháng đầu năm 2018 và tăng mạnh trở lại trong những tháng cuối năm nên làm cho tổng đàn tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước nhưng chủ yếu ở hình thức nuôi trại lớn tập trung và những công ty nuôi gia công, còn hình thức nuôi nhỏ lẻ và gia trại thì người dân không tái đàn dù giá lợn có tăng trở lại, ngoài ra do vấn đề ô nhiễm môi trường nên cũng làm người dân không còn có ý định nuôi nữa.

Về gia cầm, tổng đàn hiện có 5,97 triệu con tăng 1,18% (+69.799 con). Trong đó đàn gà 5,23 triệu con tăng 2,19% so cùng kỳ. Tăng do nhu cầu tiêu dùng của người dân ngày càng tăng, nên một số hộ đang tái tạo đàn trở lại, trên địa bàn tỉnh trong kỳ số trang trại gà tăng 3 trang trại, từ 32 trang trại lên 35 trang trại, ngoài ra do những trang trại cũ tái đàn và mở rộng quy mô nên làm cho tổng đàn gà tăng.

Kết quả sơ bộ điều tra chăn nuôi 1/10/2018

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chính thức	KQ Sơ bộ	So sánh cùng kỳ (%)
		1.10.2017	1.10.2018	
I. Gia súc				
1. Trâu	con	14.320	13.558	94,68
2. Bò	con	95.413	94.264	98,80
Trong đó: Bò sữa	con	10.432	11.646	111,64
3. Lợn	con	171.828	177.194	103,12
II. Gia cầm				
	1000con	5.903,841	5.973,640	101,18
Trong đó: Gà	1000con	5.123,104	5.235,310	102,19

1.2 Lâm nghiệp:

Trong năm, diện tích rừng trồng mới tập trung ước tính đạt 330 ha, tăng 0,46% so với năm 2017, trong đó rừng phòng hộ 104 ha và rừng sản xuất 226 ha. Công tác chăm sóc rừng các BQL rừng và các hộ gia đình được giao khoán đã chủ động triển khai tổ chức thực hiện, diện tích rừng được chăm sóc trong năm thực hiện 4.967ha giảm 10,65% so cùng kỳ; Diện tích rừng khoanh nuôi tái sinh được thực hiện 4.826 ha, giảm 3,69%; sản lượng gỗ khai thác trong năm được 65.500m³ gỗ các loại, giảm

1,68%, sản lượng củi khai thác được 313.400 ste, giảm 15,45%, chủ yếu giảm từ sản lượng củi khai thác của khu vực nhà nước.

Hoạt động quản lý và bảo vệ rừng, quản lý lâm sản: Trong tháng, trên địa bàn tỉnh xảy ra 8 vụ vi phạm quy định về Luật Bảo vệ và Phát triển rừng (giảm 4 vụ so với tháng trước), lũy kế từ đầu năm đến nay đã xảy ra 125 vụ vi phạm, trong đó: 8 vụ phá rừng với diện tích 8,5733 ha; 32 vụ khai thác rừng; 3 vụ vi phạm về cháy rừng; 17 vụ VPQĐ về sử dụng đất lâm nghiệp; 1 vụ vi phạm về quản lý động vật hoang dã; 47 vụ vận chuyển, buôn bán lâm sản; 3 vụ chế biến gỗ và lâm sản; 14 vụ vi phạm khác với tổng số lâm sản tịch thu trong năm là 38,152 m³.

1.3 Thủy sản:

Năm 2018, tình hình nuôi trồng và khai thác thủy sản nội địa trên địa bàn tỉnh tương đối khó khăn do thời tiết nắng nóng gay gắt những tháng đầu năm và mưa lớn bất thường những tháng cuối năm, bên cạnh đó là tình hình giá cả một số loại thủy sản trong năm tăng giảm bất thường phần nào ảnh hưởng đến nuôi trồng và khai thác thủy sản. Diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt 746,91 ha, giảm 4,23% so cùng kỳ. Sản lượng thủy sản nuôi trồng cả năm 2018 ước đạt 10.620 tấn, giảm 2,36%; trong đó sản lượng cá ước tính 9.692 tấn, giảm 6,2%.

Khai thác thủy sản cũng đạt thấp so với năm trước, tập trung ở sản lượng cá khai thác trong hồ Dầu Tiếng do hàng năm tỉnh đều có chủ trương thả cá giống vào để bảo vệ nguồn sinh thái, còn khai thác ngoài sông, rạch giảm do nguồn thủy sản đã bị cạn kiệt. Sản lượng khai thác thủy sản ước năm 2018 đạt 2.434 tấn, bằng 71,78% so cùng kỳ, trong đó cá đạt 2.417 tấn, bằng 77,28% so năm 2018.

Nuôi trồng và khai thác thủy sản 12 tháng năm 2018

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	12 tháng	Ước 12 tháng	So sánh cùng kỳ (%)
		2017	2018	
1. Diện tích nuôi trồng thủy sản	ha	779,91	746,91	95,77
Trong đó: nuôi cá	“	732,25	686,55	93,76
2. Sản lượng thủy sản	Tấn	14.268,75	13.054,80	91,49
Trong đó: nuôi trồng	“	10.877,50	10.620,61	97,64
- Khai thác	“	3.391,25	2.4334,19	71,78

2. Sản xuất Công nghiệp:

Tháng 12, Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trên địa bàn tỉnh ước tăng 16,63% so với tháng trước, tập trung ở một số ngành: Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có chỉ số sản xuất tăng 16,92%, trong đó: sản xuất, chế biến thực phẩm tăng 52,33% chủ yếu do có các nhà máy đường có công suất lớn đi vào hoạt động phục vụ niên vụ 2018-2019; một số ngành do DN ký được đơn hàng vào dịp cuối năm nên cũng tăng mạnh so với tháng trước như: sản xuất kim loại tăng 47,35%; sản xuất SP điện tử, máy vi tính và SP quang tăng 41,36%; sản xuất trang phục tăng 16,9%, công nghiệp dệt tăng 13,45%; Sản xuất và phân phối điện tăng 14,06%; Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải cũng tăng 3,49% so với tháng trước.

Năm 2018: chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 15,97% so cùng kỳ. Một số nhóm ngành có chỉ số tăng cao như: Nhóm ngành CN chế biến, chế tạo tăng 15,83%, trong đó: Công nghiệp dệt tăng 38,39%; sản xuất sản phẩm từ cao su và Plastic tăng 24,49%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 10,26%; chế biến gỗ và sản xuất các mặt hàng từ gỗ tăng 40,37%; sản xuất sản phẩm từ khoáng kim loại khác tăng 10,65% chủ yếu do Nhà máy xi măng Fico Tây Ninh tăng sản lượng...; Bên cạnh đó cũng có ngành đạt thấp hơn so cùng kỳ như: Khai khoáng giảm 7,86%; in, sao chép bản ghi các loại giảm 6,56% so cùng kỳ...

Hầu hết các sản phẩm sản xuất chủ yếu của tỉnh đều có sản lượng sản xuất 12 tháng năm 2018 tăng khá so cùng kỳ, cụ thể: giấy các loại tăng 10,46%; vỏ ruột xe các loại tăng 15,13%; điện thương phẩm tăng 12,04%; nước máy sản xuất tăng 6,68%; quần áo các loại tăng 10,47%; sản lượng xi măng sản xuất tăng 12,04%, so cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó cũng có sản phẩm xấp xỉ bằng hoặc tăng thấp so cùng kỳ như bột mì giảm (-0,94%); đường các loại tăng (+2,73%), gạch các loại tăng (+2,36%), Clanke Poolan giảm (-25,91%) so cùng kỳ....

Chỉ số phát triển công nghiệp một số ngành chủ yếu

Đơn vị tính: %

	Tháng 12/2018 so với tháng 11/2018	12 tháng 2018 so với cùng kỳ
Tổng số	116,63	115,97
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai khoáng	101,96	92,14
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	116,92	115,83
3. SX và phân phối điện, khí đốt, nước nóng.....	114,06	112,97
4. Cung cấp nước, hđ quản lý và xử lý rác thải...	103,49	134,39
Một số ngành công nghiệp chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	152,33	100,88

	Tháng 12/2018 so với tháng 11/2018	12 tháng 2018 so với cùng kỳ
2. Dệt	113,45	138,39
3. Sản xuất trang phục	116,90	106,65
4. Sản xuất da và sản phẩm có liên quan	108,83	110,26
5. Chế biến gỗ và các mặt hàng từ gỗ	93,69	140,37
6. Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy	112,43	113,03
7. Sản phẩm từ cao su và plastic	108,79	124,49
8. Sản xuất phẩm từ khoáng phi kim loại	116,77	110,65
9. Sản xuất và phân phối điện	114,06	112,97
10. Khai thác, xử lý và cung cấp nước	101,13	107,09

3. Vốn đầu tư phát triển:

a) Thực hiện đầu tư:

Tháng 12/2018, vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 339,4 tỷ đồng, tăng 10,60% so tháng trước. Bao gồm, vốn ngân sách cấp tỉnh đạt 295,9 tỷ đồng, tăng 11,24%; vốn ngân sách cấp huyện đạt 39,6 tỷ đồng, tăng 9,62% so với tháng trước.

Quý 4/2018, vốn nhà nước trên địa bàn thực hiện đạt 1.484,7 tỷ đồng, tăng 0,32% so với quý 3/2018, trong đó Thành phố Tây Ninh 41,72 tỷ tăng 16,77%; Tân Châu 35,32 tỷ tăng 10,26%, Trảng Bàng 22,69 tỷ giảm 2,69% so với quý trước.

Cả năm 2018, vốn đầu tư phát triển trên địa bàn ước đạt 27.148 tỷ đồng tăng 14,98% so với năm 2017. Trong đó:

Khu vực Nhà nước ước đạt 4.172,5 tỷ đồng, tăng 27,05% so cùng kỳ, Trong đó vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 2.899,47 tỷ tăng 27,20% so với năm 2017 và tăng 4,09% so với kế hoạch;

Khu vực ngoài nhà nước 13.479,6 tỷ đồng, tăng 6,91% so cùng kỳ;

Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 9.496,55 tỷ đồng, cũng tăng 23,03% so với năm 2017.

b) Thu hút đầu tư – Phát triển doanh nghiệp:

Thu hút đầu tư nước ngoài, cả năm ước đạt 775,75 triệu USD, giảm 23,7% so với CK, trong đó có 30 dự án cấp mới với số vốn đăng ký 453,32 triệu USD, so với cùng kỳ tăng 11% về số dự án, và giảm 39,26% về số vốn đăng ký; có 29 dự án bổ sung vốn 322,43 triệu USD, tăng 19,26% số vốn bổ sung và bằng với số dự án bổ sung vốn Lũy kế, trên địa bàn tỉnh có 291 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng

ký là 5.768,1 triệu USD, đã có 217 dự án đi vào hoạt động với số vốn 4.231 triệu USD; 16 dự án đang xây dựng với số vốn 369,8 triệu USD; 47 dự án chưa triển khai với số vốn 1.140 triệu USD; 11 dự án dừng hoạt động với số vốn 26,7 triệu USD. Vốn thực hiện lũy kế đạt khoảng 52% tổng vốn đăng ký.

Thu hút đầu tư trong nước, cả năm ước đạt 13.753 tỷ đồng, giảm 13,8% so với CK. Lũy kế đến nay có 508 dự án đầu tư còn hiệu lực với vốn đăng ký 71.491 tỷ đồng; trong đó có 274 dự án đi vào hoạt động với số vốn 25.785 tỷ đồng, 61 dự án đang triển khai xây dựng với số vốn 17.717 tỷ đồng, 167 dự án chưa xây dựng với số vốn 26.948 tỷ đồng, 06 dự án dừng hoạt động với tổng vốn đầu tư 1.041 tỷ đồng. Vốn thực hiện đạt khoảng 24% so với vốn đăng ký.

Bên cạnh đó, đang kêu gọi đầu tư các dự án: Siêu thị tại thị trấn Dương Minh Châu, thị trấn Tân Biên và thị trấn Bến Cầu; Dự án Trung tâm Thương mại, khách sạn tại thị trấn Gò Dầu; Dự án khu nhà ở shophouse tại khu đất cũ của Công ty CP Cơ khí Tây Ninh.

Phát triển doanh nghiệp: trong năm đã cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập mới cho 559 doanh nghiệp, tổng vốn đăng ký là 4.375 tỷ đồng, so với CK giảm 6,5% về số doanh nghiệp và giảm 46,7% về vốn đăng ký; có 179 doanh nghiệp giải thể với số vốn 815,7 tỷ đồng (*CK giải thể 110 doanh nghiệp với vốn 570 tỷ đồng*). Lũy kế hiện có 5.230 doanh nghiệp đăng ký, với tổng vốn đăng ký 90.847 tỷ đồng.

Kinh tế tập thể: Thành lập mới 12 Hợp tác xã, tăng 02 HTX so với KH năm (*KH 2018 thành lập mới 10 HTX*), thu hút thêm 460 thành viên; giải thể 06 HTX. Đến nay, có 115 HTX, tăng 06 HTX so với CK, có khoảng 31.000 thành viên, tổng vốn điều lệ 219,6 tỷ đồng, tăng 19% so với năm 2017.

4. Giao thông vận tải

Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải trong tháng 12/2018 ước đạt 227,76 tỷ đồng, tăng 1,64% so tháng trước, trong đó: Vận tải hành khách đạt 68,36 tỷ đồng, tăng 1,35%; vận tải hàng hóa đạt 153,91 tỷ đồng, tăng 1,72% so với tháng trước. Cộng dồn cả năm doanh thu đạt 2.713 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 8,42%, trong đó: doanh thu vận chuyển hành khách đạt 813,5 tỷ đồng tăng 9,06%, doanh thu vận chuyển hàng hóa đạt 1.847 tỷ đồng tăng 9,06% và doanh thu hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 52 tỷ đồng tăng 10,39% so với năm 2017.

Hoạt động vận tải hành khách tháng 12/2018 trên địa bàn tỉnh duy trì ổn định, ước thực hiện đạt 1.577 nghìn lượt khách, tăng 0,96 % và luân chuyển được 129.271 nghìn lượt khách.km, tăng 1,16% so tháng trước. Lũy kế cả năm, vận tải hành khách ước đạt 18.518 nghìn lượt khách, tăng 7,33% và luân chuyển được 1.335 triệu lượt khách.km, tăng 8,14% so với năm trước.

Về vận tải hàng hóa, khối lượng thực hiện trong tháng tiếp tục phát triển ổn định; khối lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 1.212 nghìn tấn, tăng 1,43% và luân

chuyển được 90.276 nghìn tấn.km, tăng 1,27% so tháng trước. Lũy kế cả năm, vận chuyển hàng hóa ước tính đạt 14.579 nghìn tấn, tăng 7,48% và luân chuyển 1.095,3 triệu tấn.km, tăng 7,86%. Vận tải hàng hóa của tỉnh hoàn toàn do khu vực ngoài nhà nước đảm nhận và chủ yếu tập trung ở vận tải đường bộ với khối lượng hàng hóa vận chuyển đạt 14.448 nghìn tấn, tăng 7,85%, luân chuyển 1.087,3 triệu tấn.km, cũng tăng 7,88% so với năm trước; Vận tải hàng hóa đường sông trên địa bàn tỉnh cả năm ước đạt 131 nghìn tấn tăng 4,29% và luân chuyển đạt 8,02 triệu tấn.km cũng tăng 4,93% so với năm 2017.

5. Thương mại hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng:

a) Hoạt động thương mại bán lẻ hàng hoá:

Tháng 12/2018: Tổng mức bán lẻ hàng hoá trên địa bàn tỉnh tháng 12/2018 ước đạt 5.311 tỷ đồng, tăng 2,49% so với tháng trước và tăng 14,90% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Quý 4/2018: Tổng mức bán lẻ hàng hoá ước đạt 14.839 tỷ đồng, so với quý 3/2018 tăng 2,64%, so với quý cùng kỳ năm 2017 cũng tăng 8,98%.

Luỹ kế cả năm 2018, tổng mức ước đạt 56.814 tỷ, tăng 10,65% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, một số nhóm hàng chiếm tỷ trọng chủ yếu như nhóm lương thực, thực phẩm đạt 20.992 tỷ đồng, tăng 11,13%; nhóm xăng, dầu các loại đạt 7.879 tỷ đồng, tăng 14,72%; nhóm đá quý, kim loại quý và sản phẩm đạt 7.931 tỷ đồng, cũng tăng 8,90%; nhóm đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình đạt 3.678 tỷ đồng cũng tăng 9,87% so với cùng kỳ năm 2017.

b) Hoạt động dịch vụ, lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ tiêu dùng khác:

Tháng 12/2018 doanh thu dịch vụ, lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ tiêu dùng khác trên địa bàn tỉnh ước đạt 1.449 tỷ đồng, giảm 1,12% so với tháng trước, và tăng 13,39% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Quý 4/2018 ước đạt 4.085 tỷ đồng, tăng 2,29% so với quý trước và cũng tăng 9,59% so với quý cùng kỳ năm 2017.

Cả năm 2018 doanh thu hoạt động dịch vụ, lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và tiêu dùng khác đạt 15.840 tỷ đồng tăng 11,62% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu dịch vụ ăn uống chiếm tỷ trọng cao nhất đạt 9.379 tỷ đồng tăng 12,31%, và dịch vụ tiêu dùng khác đạt 6.441 tỷ đồng tăng 10,67% và dịch vụ lữ hành đạt 19,85 tỷ đồng cũng tăng 2,24% so cùng kỳ năm 2017.

6. Tình hình biến động Giá tiêu dùng, giá vàng và Đô la Mỹ

Trong tháng này giá xăng dầu các loại được điều chỉnh giảm khá nhiều, tuy vậy, giá một số nhóm mặt hàng khác tăng khá cao, nhất là lương thực, thực phẩm đã góp phần làm cho chỉ số giá chung tăng lên. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng

12/2018 tăng 0,08% so với tháng trước, tăng 4,08% so với tháng 12 năm trước và cùng tháng năm trước, tăng 4,28% so với bình quân cùng kỳ. Giá bán các mặt hàng, nhóm hàng trong tháng biến động, cụ thể như sau:

Nhóm lương thực tháng này tăng 0,39% so tháng trước cụ thể gạo tẻ ngon tăng 3,2%, bột mì tăng 1,17%, ngô tăng 1,12%, bún bánh phở tăng 0,3% do nhu cầu dần tăng lên phục vụ chế biến các mặt hàng tiêu dùng Tết;

Chỉ số nhóm thực phẩm tháng này tăng 0,87% so tháng trước do nhu cầu tăng cao trong dịp Tết dương lịch sắp tới, cụ thể : Nhóm thịt gia súc tươi sống thì tăng 1,16% cụ thể là do thịt heo tăng 1,38%; thịt bò cũng tăng 0,5%, thịt gà tăng 0,09%; Cá tươi tăng 0,35%, tôm tươi tăng 0,42%, thủy hải sản tươi sống khác tăng 0,02%; Trứng các loại tăng 0,7%; Lạc và vừng tăng 1,84%;

Nhóm rau tươi các loại tăng 2,97% so với tháng trước như : rau dạng củ quả tăng 3,24%, rau tươi khác tăng 1,09%, rau muống tăng 6,65%, bắp cải tăng 5,16%, khoai tây tăng 4,65%. Bên cạnh đó nhóm Quả tươi, chế biến cũng tăng 1,03% như quả có múi tăng 0,07%, chuối tăng 1,7%, táo tăng 2,2%, quả tươi khác tăng 0,32%;

Chỉ số giá các mặt hàng, nhóm hàng phi lương thực, thực phẩm biến động cụ thể như sau:

Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,99% so tháng trước cụ thể như áo khoác người lớn tăng 1,58%, quần áo sơ mi nam người lớn tăng 0,42%, quần váy áo sơ mi nữ tăng 0,96%, áo len tăng 4,43% do thời tiết tháng này chuyển lạnh cộng với sắp đến ngày Lễ Noel nên nhu cầu mua sắm của mọi người có phần tăng lên;

Nhóm giao thông giảm 5,5% so với tháng trước trong đó giá xăng dầu diezen giảm 10,79% do trong tháng giá xăng dầu được điều chỉnh giảm khá nhiều. Nhóm nhà ở , điện nước, chất đốt và VLXD tăng 1,8% so tháng trước do giá nhà ở thuê tăng 5,37% , vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,79% cụ thể là thép tăng 3,29% do các công trình xây dựng đang được gấp rút hoàn thành trước năm mới. Bên cạnh đó giá gas tháng này giảm 9,84 % do tháng này giá gas giảm đến 33.000 đồng/bình 12kg, chỉ số than, củi không tăng và giữ ổn định so tháng trước;

Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tháng này tăng 5,03% so tháng trước căn cứ vào Thông tư 39/2018/TT-BYT do Bộ y tế ban hành ngày 30/11/2018 Quy định thống nhất giá dịch vụ khám chữa bệnh BHYT giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc;

Chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ: Do ảnh hưởng của giá vàng, giá Đô la Mỹ trên thị trường thế giới, giá vàng bình quân tháng 12/2018 là 3.412.000 đồng/chỉ (- 0,29%); giá Đô la Mỹ tháng này là 23.390,92 đ/USD (- 0,04%) so với tháng 11/2018.

7. Thu chi ngân sách

a) Thu ngân sách:

Ước tổng thu ngân sách trên địa bàn tháng 12/2018 đạt 480 tỷ đồng, cộng dồn cả năm đạt 7.570 tỷ đồng vượt 9,60% dự toán năm, tăng 8,99% so cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa 6.744 tỷ đồng vượt 6,94% dự toán, tăng 9,07% cùng kỳ năm trước.

Nhìn chung, tình hình thu ngân sách trong năm 2018 đạt khá cao so với dự toán, và so với cùng kỳ, trong đó khoản thu nội địa chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số nguồn thu đạt khá tăng 9,07% so với dự toán và tăng 9,07% so cùng kỳ; Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 825 tỷ, đạt 137,54% kế hoạch năm và so với cùng kỳ tăng 8,38%. Một số khoản thu tăng khá cao so cùng kỳ như: Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 1.482 tỷ tăng 20,25% dự toán và tăng 23,45% so cùng kỳ; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 440 tỷ, tăng 3,67%; lệ phí trước bạ tăng 29,15%; thuế thu nhập cá nhân tăng 18,83%; thu tiền thuế sử dụng đất tăng 51,09% so cùng kỳ, riêng khoản thu từ hoạt động xổ số ước đạt 1.537 tỷ tăng 6,0% so với dự toán và bằng 100,03% so với cùng kỳ. Cũng có khoản thu đạt thấp so cùng kỳ như Thu từ DN nhà nước đạt 528 tỷ giảm 10,72%, thu từ tiền thuê đất giảm 5,24%; Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản chỉ bằng 45,15% so với cùng kỳ.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

	Năm 2018		% thực hiện 12 tháng năm 2018 so với	
	(tỷ đồng)			
	Dự toán	Ước TH 12 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2017
Tổng thu	6.907	7.570	109,60	108,99
I. Thu nội địa	6.307	6.744	106,84	109,07
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	660	528	80,02	89,28
2. DN có vốn đầu tư nước ngoài	490	440	89,89	103,67
3. Khu vực CTN và DV ngoài nhà nước	1.233	1.482	120,25	123,45
4. Hoạt động xổ số	1.450	1.537	106,00	100,03
II. Thu từ hoạt động XNK	600	825	137,54	108,38

b) Chi ngân sách:

Chi ngân sách tháng 12/2018 ước đạt 994 tỷ đồng, nâng mức chi cả năm 2018 đạt 7.853 tỷ đồng, đạt 92,98% dự toán, tăng 7,78% so năm trước. Trong đó, chi thường xuyên đạt 4.377 tỷ đồng, đạt 91,31% dự toán năm, bằng 96,76% so cùng kỳ; chi đầu tư phát triển đạt 2.352 tỷ đồng, vượt dự toán 8,05% và giảm 3,28% so cùng kỳ, trong đó chi đầu tư xây dựng cơ bản đạt 2.296 tỷ đồng, tăng 7,45% dự toán năm và bằng 97,04% năm 2017.

Chi ngân sách nhà nước địa phương

	Năm 2018		% thực hiện 12 tháng	
	(tỷ đồng)		năm 2018 so với	
	Dự toán	Ước TH 12 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2017
Tổng chi	8.845	7.852	92,98	107,78
I. Chi cân đối NSDP	7.190	6.760	94,07	97,23
Trong đó:				
1. Chi đầu tư phát triển	2.177	2.352	107,45	97,04
2. Chi thường xuyên	4.793	4.376	91,31	96,76
Trong đó:				
+ Sự nghiệp kinh tế	649	544	83,73	99,96
+ Sự nghiệp giáo dục đào tạo dạy nghề	2.006	1.767	88,09	97,29
+ Sự nghiệp y tế	399	364	91,31	79,42
+ Quản lý hành chính	882	889	100,78	102,51
II. Chi các chương trình MTQG	1.255	1.089	86,74	330,14

8. Hoạt động ngân hàng

Hoạt động của hệ thống ngân hàng trong năm qua tương đối ổn định và phát triển. Lãi suất huy động và cho vay của TCTD đối với khách hàng tuy có tăng nhẹ ở một số kỳ hạn vào thời điểm cuối năm, nhưng trong năm tương đối ổn định và ở mức hợp lý, đã phần nào tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát và ổn định thị trường tiền tệ.

Tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn tỉnh đến cuối tháng 12 ước đạt 42.771 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước tăng 14,0%. Trong đó vốn huy động ngắn hạn (dưới 12 tháng) là chủ yếu đạt 28.785 tỷ đồng (*Chiếm 67,3%*) tăng 16,02% so cùng kỳ; Vốn huy động trung và dài hạn đạt 13.986 tỷ đồng tăng 10,17% so cùng kỳ.

Hoạt động cho vay: Tổng dư nợ tín dụng đến cuối năm ước đạt 49.159 tỷ đồng, tăng 18,0% so cùng kỳ năm 2017. Trong đó dư nợ ngắn hạn 31.659 tỷ, chiếm 64,40% tăng 17,45%; dư nợ trung và dài hạn chiếm 35,6%, tăng 19,01% so cùng kỳ năm trước. Dư nợ cho vay đối với các chương trình ưu đãi ngắn hạn đạt 16.691 tỷ đồng tăng 18,20%. Nợ xấu 252,0 tỷ đồng chiếm 0,51% so với tổng dư nợ và tăng 33,59% so với cùng kỳ.

9. Tình hình văn hoá, xã hội

a) Đời sống, lao động, giải quyết việc làm:

Năm 2018, giá bán sản phẩm chăn nuôi phù hợp đã phần nào khuyến khích người chăn nuôi, nhưng bên cạnh đó những hộ nông dân trồng cây mía lại gặp khó khăn do bệnh dịch, giá cả bấp bênh. Tuy vậy, nhìn chung đời sống đại bộ phận nông dân vẫn duy trì ổn định. Tình hình xoá đói giảm nghèo được các cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể thường xuyên quan tâm đúng mức bằng các hình thức giúp đỡ những hộ gia đình gặp khó khăn trong cuộc sống vươn lên thoát nghèo như hỗ trợ vốn sản xuất, giải quyết việc làm.

Việc thực hiện các chính sách giảm nghèo với các chương trình, dự án như cho vay vốn sản xuất, hỗ trợ cây, con giống hỗ trợ tiền điện... đến nay các huyện, thành phố triển khai thực hiện chăm sóc y tế cụ thể cấp 31.427 thẻ BHYT, cho người thuộc hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số sống trên địa bàn xã Biên giới và người dân sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Công tác chăm lo cho các đối tượng chính sách người có công, hộ nghèo các đối tượng hưởng bảo trợ xã hội nhân dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018 tặng 132.973 phần quà với kinh phí 46,235 tỷ đồng; trong đó chăm lo cho hộ nghèo với kinh phí 21,564 tỷ đồng. Trong năm đã xây tặng và sửa chữa 228 căn nhà tình nghĩa tổng kinh phí 11.568 triệu đồng; 984 căn nhà đại đoàn kết, nhà tình thương với tổng kinh phí 42.580 triệu đồng.

Các chính sách hỗ trợ người nghèo cho vay vốn ưu đãi, vẫn được duy trì tạo điều kiện cho các hộ nghèo và hộ cận nghèo vay vốn từ Ngân hàng chính sách xã hội, với tổng số dư nợ đến nay là: 2.248,3 tỷ đồng, trong đó hộ nghèo vay 153,4 tỷ đồng, để sản xuất kinh doanh, tạo việc làm ổn định cho các hộ nghèo, bình quân mỗi hộ được vay 1 lượt mức vay cao nhất là 50 triệu đồng, chủ yếu để trồng trọt và chăn nuôi, và kinh doanh thương nghiệp, dịch vụ. Đồng thời triển khai các chính sách vay vốn đối với học sinh, sinh viên, dạy nghề được tiến hành đúng đối tượng, kịp thời, đến nay tổng dư nợ cho đối tượng này 335,5 tỷ đồng.

Năm 2018, ngành lao động lao động TBXH tinh tư vấn việc làm và học nghề cho 23.955 lượt lao động; giới thiệu cung ứng lao động trong nước 2.465 lao động; các tổ chức đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giải quyết được 461 lao động; tổ chức 12 phiên giao dịch việc làm với 86 doanh nghiệp và 5.380 người lao động tham gia; Thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, đến cuối năm thẩm định và quyết định cho khoảng 14.235 người hưởng trợ cấp thất nghiệp với kinh phí 160,750 tỷ đồng. Triển khai 145 lớp dạy nghề cho lao động nông thôn với 4.606 học viên.

Về tranh chấp lao động và tai nạn lao động: Trong năm xảy ra 09 vụ tranh chấp lao động dẫn đến ngừng việc tập thể tại 07 công ty với 4.897 lao động tham gia (*giảm 01 vụ so với năm 2017*), nguyên nhân do người sử dụng lao động không thống nhất về quyền lợi của người lao động, kết quả giải quyết tất cả các cuộc đình công đều được hoà giải thành. Xảy ra 05 vụ tai nạn lao động, làm chết 06 người (*giảm 01 vụ so với cùng kỳ*). Tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,9% (*KH 2018: giảm 0,5%*).

b) Giáo dục và đào tạo:

Hệ thống các trường: Năm học 2018-2019, Giáo dục phổ thông toàn tỉnh có 388 trường, trong đó có 250 trường tiểu học (giảm 12 trường, 25 lớp do sắp xếp), 106 trường trung học cơ sở, 32 trường THPT. Giáo dục mầm non có 138 trường mầm non, mẫu giáo trong đó có 120 trường công lập và 18 trường tư thục

Tổng số học sinh, sinh viên là 231.016 học sinh, sinh viên, và trẻ mẫu giáo chia ra: nhà trẻ: 2.214, mẫu giáo: 35.395; tiểu học: 100.355; trung học cơ sở: 65.511; trung học phổ thông: 27.541 học sinh.

Tốt nghiệp THPT năm học 2017-2018, toàn tỉnh 8.264/8.503HS, tỉ lệ 97,19%; Tuyển sinh lớp 6: 18.353/18.370HS, tỉ lệ 99,9%; Tuyển sinh lớp 10: 11.248/11.905HS, tỉ lệ 94,48%.

Giáo dục thường xuyên: Toàn tỉnh có 10 trung tâm GDTX trực thuộc, trong đó có 9 trung tâm GDTX trên địa bàn 9 huyện, thành phố và 1 trung tâm GDTX cấp tỉnh. Năm học 2018-2019 học viên chương trình GDTX cấp THCS, THPT: 1.314 học viên, chia ra: bổ túc THCS: 12 học viên /2 lớp (lớp 6: 7 học viên/1 lớp, lớp 9: 5 học viên/1 lớp); bổ túc THPT: 1.302 học viên/47 lớp (lớp 10: 641 học viên/17 lớp; lớp 11: 343 học viên / 15 lớp; lớp 12: 310 học viên /14 lớp).

c) Hoạt động y tế:

Tình hình dịch và bệnh truyền nhiễm gây dịch: Tháng này số ca mắc mới bệnh tay chân miệng trong tháng là 287ca giảm 59,41% so với tháng trước và tăng 49,48% so với cùng kỳ năm 2017. Huyện có số ca mắc mới trong tháng là: Trảng Bàng 55ca, Gò Dầu 56ca, Châu Thành 42ca, Dương Minh Châu 27ca, Bến Cầu 27ca, Tân Châu 27ca, Hòa Thành 19ca, Thành phố 18ca, Tân Biên 16ca, cộng dồn đến nay: 2.225 ca tăng 7,48% so cùng kỳ năm 2017. Trong tháng không có ca tử vong, và số ca tử vong từ đầu năm đến nay là 02 ca.

Trong tháng số ca mắc SD/SXHD là 381ca giảm 7,52% so với tháng trước và tăng 141,14% so với cùng kỳ năm 2017. Huyện có số ca mắc mới trong tháng là: Thành phố 58ca, Tân Biên 57ca, Châu Thành 56ca, Gò Dầu 51ca, Dương Minh Châu 48ca; Trảng Bàng 45ca, Hòa Thành 31ca, Tân Châu 20ca, Bến Cầu 15ca. Lũy kế từ đầu năm đến nay 2.173ca tăng 21,13% so với cùng kỳ năm 2017, và không có ca tử vong nào.

Bệnh HIV/AIDS: trong tháng phát hiện mới 32 ca HIV, 08 ca chuyển sang AIDS; lũy tích có 4.974ca HIV (nữ 1.633ca), trong đó 3.639 ca chuyển sang giai đoạn AIDS (nữ 1.150 ca) và có 1.566 người tử vong do AIDS.

Chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm: trong tháng, đã tiến hành kiểm tra 108 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống ... , kết quả có 81 cơ sở đạt tiêu chuẩn vệ sinh (đạt tỷ lệ 75%); đã cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn

vệ sinh thực phẩm: 42 giấy và cấp giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn sản phẩm: 18 cơ sở.

Tình hình ngộ độc thực phẩm: trong tháng không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm nào.

d) An toàn giao thông:

Trong tháng 12/2018 (từ ngày 16/11/2018-15/12/2018) trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 06 vụ² tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 01 người và bị thương 05 người. So với tháng cùng kỳ năm 2017 giảm 22 vụ, số người chết giảm 14 người và số người bị thương tăng 02 người. Cộng dồn 12 tháng năm 2018 đã xảy ra 216 vụ tai nạn giao thông, làm chết 82 người, và 176 người bị thương, so với cùng kỳ năm trước đều tăng về cả 03 tiêu chí: số vụ tăng (+6), số người chết tăng (+01) và số người bị thương cũng tăng (+05). Nguyên nhân chủ yếu của các vụ tai nạn là do người điều khiển xe đi không đúng phần đường, chuyển hướng tránh vượt thiếu quan sát, và đặc biệt là tình trạng sử dụng rượu bia khi tham gia giao thông.

e) Hoạt động văn hoá và du lịch:

Trong năm 2018, Ngành văn hoá tập trung công tác tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị các ngày lễ lớn, tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền cổ động trực quan, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, trưng bày, triển lãm tuyên truyền sách phục vụ nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ lớn trong năm; tuyên truyền giáo dục Pháp luật, các chương trình mục tiêu Quốc gia về phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, mại dâm; về an toàn giao thông, xây dựng Nông thôn mới, chủ quyền biên giới - hải đảo của Việt Nam, “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”....

Tổng cộng đã thực hiện được 99 tấm pano (trong đó cụm pano chiếu lược: 04 tấm), 4.162 lá cờ các loại (so KH đạt: 208,1%), 155 băng rôn (so KH đạt: 77,5%); 2.440 cờ phướn; 08 cuộc xe loa cổ động. Cấp huyện: thực hiện 2.288,9m² pano, 1.675 tấm băng rôn, 1.382 câu khẩu hiệu, 2.530 tấm băng ron phướn, 7.458 cờ các loại và 960 mét dây cờ, 192 buổi xe loa cổ động đường phố, tổ chức 18 cuộc triển lãm tại chỗ và lưu động; nội dung tuyên truyền các sự kiện lịch sử của đất nước địa phương. Ngoài ra còn cung cấp đĩa CD, tờ tin ảnh thời sự phục vụ tuyên truyền các đường lối, chính sách của đảng, pháp luật Nhà nước đến nhân dân, đặc biệt tuyên truyền Đại hội Thể dục Thể thao tỉnh Tây Ninh năm 2018.

Hoạt động Bảo tồn - Bảo tàng: tổ chức Trưng bày, triển lãm tại chỗ với 09 chuyên đề, đón 1.543 lượt khách tham quan, lưu động với 11 chuyên đề, đón 800.000 lượt khách tham quan. Tổng kết Cuộc thi tìm hiểu Di tích lịch sử văn hóa với 12 chủ đề, có 42.034 thư tham gia, đã trao 11 giải tập thể và 96 giải cá nhân.

² Tháng 11.2018 xảy ra 14 vụ tai nạn giao thông, làm chết 03 người và bị thương 13 người.

Tuyên truyền Di tích lịch sử văn hóa tỉnh Tây Ninh tại 15 điểm trường THPT với 13.597 cán bộ, giáo viên và học sinh tham dự. Suu tầm 54 hiện vật dân tộc học. Tổng số hiện vật kho cơ sở: 16.047 hiện vật, hiện vật gốc 11.892 hiện vật.

Hoạt động thư viện: Tổ chức trưng bày tài liệu tuyên truyền, giới thiệu phổ biến, pháp luật thường xuyên với 2.767 tài liệu. Trưng bày sách, báo tuyên truyền phục vụ các ngày lễ với 40 cuộc với 4.604 tài liệu. Phát hành 02 tập thông tin tư liệu với 400 bản. Phát hành Thông tin chọn lọc kinh tế xã hội (số 01/2018) với 100 bản. Tổng số lượt ban đọc 49.636 lượt bạn đọc. Tổng số lượt tài liệu 279.947 lượt, đạt 105,60% kế hoạch. Tổng số sách hiện có 245.349 bản /70.018 tên sách. Bổ sung sách mới 10.447 bản/3.908 tên. Cấp mới và gia hạn thẻ thư viện: 4.005 thẻ. Luân chuyển 125 lượt tủ sách cơ sở.

Hoạt động du lịch: tổ chức thành công Đại hội Hiệp hội Du lịch lần Thứ I, nhiệm kỳ 2018-2023. Triển khai ký kết hợp tác với Trường Đại học Khoa học xã Hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh) về hợp tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch giai đoạn 2018 - 2023. Chương trình hợp tác phát triển du lịch giữa Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Tây Ninh với Sở Du lịch Hà Nội. Xây dựng Đề án du lịch thông minh và Đề án thống kê du lịch.

f) Hoạt động thể dục thể thao:

Tổ chức thành công Đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh lần thứ VIII năm 2018, Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2018. Hỗ trợ tổ chức Đại hội Liên đoàn Quần vợt tỉnh Tây Ninh nhiệm kỳ 2018 – 2023; Phối hợp Liên đoàn Quần vợt Việt Nam tổ chức Giải quần vợt quốc tế- tranh cúp Hải Đăng 2018 (*HaiDang Open Championship 2018*).

Tổng số vận động viên các môn đang đào tạo từ ngày 01/01/2018 - 03/11/2018: 181 VĐV (41 VĐV tuyển, 115 VĐV trẻ, 25 VĐV Năng khiếu). Cử 65 lượt các đoàn vận động viên tập huấn và thi đấu tại các giải thể thao Quốc tế, Quốc gia, Khu vực, Cụm, Miền và mở rộng với 112 lượt huấn luyện viên, 701 lượt vận động viên tham dự. Tổng số huy chương (tính đến ngày 01/11/2018) đạt 236 huy chương các loại (51 HCV - 69 HCB - 116 HCD), đạt 123% chỉ tiêu kế hoạch. tổng số vận động viên đạt đẳng cấp 42 VĐV (*Kiên tướng quốc gia: 10 VĐV, dự bị kiên tướng quốc gia: 01 VĐV, cấp I quốc gia: 31 VĐV*).

f) Bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ:

Cháy nổ: Trong tháng không xảy ra vụ cháy nổ nào. Luỹ kế cả năm xảy ra 31 vụ cháy, không thiệt hại về người, thiệt hại về tài sản khoảng 14,75 tỷ đồng. Tăng 24 vụ so với năm trước, nhưng số tiền thiệt hại thấp hơn 126 tỷ so với cùng kỳ năm trước.

Số vụ vi phạm môi trường: Trong tháng đã xảy ra 03 vụ vi phạm môi trường tại huyện Trảng Bàng, đã xử lý phạt tiền 230 triệu đồng, buộc đơn vị khắc phục hậu quả đã gây ra cho môi trường. Luỹ kế 12 tháng năm 2018 đã phát hiện và xử lý 13 vụ (tăng 03 vụ so với năm trước) và đã được khắc phục, với số tiền phạt 978,3 triệu đồng, tăng 230,3 tr.đ so với cùng kỳ.

